TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 438/2023/DS-PT
Ngày 29 -12-2023
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Bà Đinh Cẩn Đào

Ông Nguyễn Thành Lập

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 413/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc: "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 93/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 414/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Ánh T, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T: Luật sư Mai Thiên Thơ, Văn phòng Luật sư Mai Thiên Thơ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn H1, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Bà bà Lương Thị V1, sinh năm 1964 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Kiều N, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh C ..

2. Anh Huỳnh Tuấn V2, sinh năm 1995 (vắng mặt).

3. Ông Huỳnh Văn H2, sinh năm 1951 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo*: Bà Lương Thị V1, ông Trần Văn H1, bà Trần Kiều Nhi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Võ Ánh T trình bày: Do có quen biết trước và có tình cảm với nhau nên anh Huỳnh Tấn Vũ và chị Trần Kiều N quyết định tiến tới hôn nhân. Vào khoảng tháng 3/2022 (âm lịch) gia đình bà Võ Ánh T và gia đình bà Lương Thị V1, ông Trần Văn H1 có gặp nhau để tính việc tổ chức lễ xuống mối cho anh V2 và chị N. Bà T đã giao tiền nạp tài cho nhà gái là bà Lương Thị V1 và ông Trần Văn H1 là 40.000.000 đồng để nhà gái chi phí tiền ăn uống trong lễ ăn hỏi là 20.000.000 đồng và tiền ăn uống trong lễ cưới là 20.000.000 đồng. Vào ngày 24/4/2022 (âm lịch) gia đình bà T và bà V1 đã tổ chức xong lễ ăn hỏi cho anh V2 và chị N. Tại lễ ăn hỏi, bà T đại diện nhà trai cho con dâu là chị N 01 đôi bông tai, 01 chiếc nhẫn cưới vàng 18k và 07 chỉ vàng 24k, đồng thời bà T trình ngày cưới là ngày 24/11/2022 (âm lịch). Tuy nhiên, do điều kiện anh V2 đi lao động nước ngoài về nước không kịp nên trước đó bà T có gặp bà V1 và ông H1 để xin dời ngày cưới vào tháng 12/2022 (âm lịch) nhưng gia đình bà V1 không đồng ý mà đề nghị cưới vào tháng 01/2023 (âm lịch) nhưng gia đình bà T thống nhất nên lễ cưới của anh V2 với chị N không được tổ chức. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà V1 và ông H1 có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà T số tiền nạp tài cho lễ cưới 20.000.000 đồng.

Bà T thống nhất tặng cho chị N 01 đôi bông tai, 01 chiếc nhẫn cưới vàng 18k. Đối với số vàng bà T cho chị N trong ngày cưới là 07 chỉ vàng 24k. Tại vụ án này, bà T xin rút lại yêu cầu đối với chị N về việc trả lại 07 chỉ vàng 24k.

Bị đơn, bà Lương Thị V1 và ông Trần Văn H1 trình bày: Bà V1 thừa nhận bà T có đưa cho vợ chồng bà số tiền 40.000.000 đồng vào tháng 3/2022 (âm lịch) là để tổ chức lễ ăn hỏi của chị N và anh V2 vào ngày 24/4/2022 (âm lịch) nhưng cũng là lễ Vu Quy của chị N và anh V2 vì bà thống nhất với bà T không tổ chức lễ cưới mà đến ngày 24/11/2022 (âm lịch) phía nhà trai chỉ qua đón dâu, do đó bà T thống nhất số tiền 10.000.000 đồng là cho cô dâu trang điểm và thuê quần áo, chi phí ăn uống đãi khách cho lễ Vu Quy là 30.000.000 đồng. Ngày 24/11/2022 (âm lịch) thì phía nhà trai chỉ đến đón dâu, phía nhà gái không có đãi khách. Vào ngày 24/4/2022 (âm lịch) gia đình bà V1 tổ chức lễ Vu Quy, lúc này phía nhà trai do bà T đại diện có cho chị N 07 chỉ vàng 24k và 01 đôi bông, 01 chiếc nhẫn vàng 18k. Đồng thời bà T có trình giữa hai họ là ngày 24/11/2022 (âm lịch) sẽ tổ chức đón dâu. Ngày 07/11/2022 (âm lịch) bà T đến nhà bà V1 nói chị N không có tình cảm với anh V2 nhưng bà V1 yêu phía nhà trai vẫn đến đón dâu bình thường, nếu không có cô dâu bà V1 chịu trách nhiệm nên bà T nói để về bàn bạc lại với gia đình. Sau đó gia đình bà T không đến đón dâu nên bà V1 có trình sự việc đến chính quyền địa phương ấp 6, xã Trí Phải, huyện Thới Bình. Nay bà V1 không thống nhất trả lại cho bà T số tiền 20.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 93/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau quyết định:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Ánh T đối với chị Trần Kiều N về việc đòi lại 07 chỉ vàng 24k.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Ánh T. Buộc bà Lương Thị V1 và ông Trần Văn H1 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho bà Võ Ánh T số tiền 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 05/9/2023 bị đơn là ông Trần Văn Hưng, bà Lương Thị Vốn và chị Trần Kiều Nhi có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Ánh T.

Ngày 14/9/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Ánh T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Lương Thị Vốn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình và phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Hưng, bà Lương Thị Vốn và chị Trần Kiều Nhi, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Hưng, bà Lương Thị Vốn và chị Trần Kiều Nhi, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà T cho rằng số tiền 40.000.000 đồng bà đã đưa cho bà V1 và ông H1 vào tháng 3/2022 là để gia đình bà V1 chi phí ăn uống cho lễ hỏi của chị N và anh V2 vào ngày 24/4/2022 âm lịch và lễ đón dâu ngày 24/11/2022 âm lịch mỗi lễ là 20.000.000 đồng nhưng bà V1 và ông H1 không thừa nhận. Bà V1 cho rằng số tiền bà T đưa 40.000.000 đồng là để nhà gái tổ chức lễ ăn hỏi nhưng cũng là lễ Vu Quy cho chị N và thống nhất đến ngày 24/11/2022 âm lịch phía nhà trai chỉ đến đón dâu, nhà gái không tổ chức tiệc đãi quan khách. Tại hồ sơ thể hiện bà V1 và ông H1 có đặt thiệp Vu Quy của chị N và anh V2 và mời quan khách để đãi tiệc ngày 24/11/2022 âm lịch, tại lễ này phía nhà gái đã có 217 khách mời của nhà gái đi mừng cưới chị N và anh V2 (BL 02- 22). Bà V1 cho rằng số tiền 40.000.000 đồng bà dùng cho việc trang điểm cô dâu, thuê đồ cưới và chi phí mâm bàn cỗ để đãi quan khách hai họ như việc thống nhất thỏa thuận của bà T khi giao tiền cho bà V1 vào tháng 3/2022 là có cơ sở.

[2] Việc bà T cho rằng số tiền 40.000.000 đồng bà đưa cho bà V1 để bà V1 và ông H1 tổ chức lễ ăn hỏi vào ngày 24/4/2022 âm lịch với số tiền 20.000.000 đồng

và tổ chức lễ cưới vào ngày 24/11/2022 âm lịch số tiền 20.000.000 đồng nhưng bà T không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, bà T cho rằng, tại lễ hỏi ngày 24/4/2022 âm lịch phía nhà trai đã đến dự lễ trong đó có bà T cùng đến để dự lễ nhưng bà T không biết phía nhà gái tổ chức lễ Vu Quy mà bà T chỉ biết đó là lễ ăn hỏi, trong khi đó nhà gái tổ chức lễ Vu Quy có thiệp mời quan khách, có quan khách đến dự tiệc và gửi tiền mừng cưới, do đó lời trình bày của bà T là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà V1 và ông H1 trả lại cho bà T 20.000.000 đồng là không phù hợp. Do đó, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà V1, ông H1 và chị N. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

[5] Xét kháng nghị của viện kiểm sát huyện Thới Bình đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H1, bà Vốn và chị Nhi nên ông H1, bà Vốn và chị Nhi không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS ngày 14/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Hưng, bà Lương Thị Vốn và chị Trần Kiều Nhi.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 93/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Ánh T đối với chị Trần Kiều N về việc đòi lại 07 chỉ vàng 24k.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Ánh T về việc yêu cầu bà Lương Thị V1, ông Trần Văn H1 trả lại số tiền 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng).*

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn H1 và bà Lương Thị V1 không phải chịu. Bà Võ Ánh T phải chịu án phí số tiền 1.421.000 đồng. Vào ngày 06/4/2023, bà T có dự nộp 1.421.000 đồng theo biên lai số 0003506 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn Hưng, bà Lương Thị Vốn và chị Trần Kiều Nhi không phải chịu. Ngày 05/9/2023, ông H1, bà Vốn và chị N có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003834 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Cẩm Đào **Nguyễn Thành Lập** **Bùi Thị Phương Loan**